TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2017
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà: Bà Lê Thị Phương Trúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Hồng Hải
2. Bà Trần Ánh Hồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Như Quyền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thơ - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1971;
HKTT: 268, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An.
Chổ ở hiện tại: 104, ấp Rạch Cát, xã L, huyện C, tỉnh Long An.
- *Bị đơn:* Anh Trần Thanh P, sinh năm 1972;
Địa chỉ: 268, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/7/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: chị và anh P cưới nhau vào ngày 02/3/1994, hôn nhân tự nguyện, đến ngày 22/5/2017 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, anh P không tin tưởng chị, hay giấu diếm tiền bạc và tự ý chi tiêu tất cả các khoản chi tiêu lớn, nhỏ trong gia đình mà không hỏi ý kiến chị. Mặc dù, anh P cũng chăm lo cho gia đình, không có chi xài hoang phí hay chi tiêu riêng cho bản thân nhưng đã là vợ chồng mà không san sẻ với nhau là không tôn trọng nhau. Mặt khác, anh P cũng hay ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cãi vả. Chị

đã nhiều lần góp ý nhưng anh P không thay đổi. Từ ngày 05/7/2012, vợ chồng ly thân mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng ăn cơm và sinh hoạt riêng, cách nay khoảng hơn 05 tháng thì chị về nhà cha mẹ ruột sống. Nay xét thấy tình cảm không còn nên chị khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh P.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Trần Phú H, sinh năm 1997, hiện đã thành niên và Trần Thị Phú H, sinh ngày 29/4/2006, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung tên Trần Thị Phú H, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, nuôi con chung đồng thời trình bày: từ lúc sinh cháu H đến nay chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đưa đón cháu đi học, cuộc sống đã ổn định, anh P làm nghề thu mua phế liệu, thường đi sớm, về tối nên không đủ điều kiện chăm sóc con bằng chị.

Tại các biên bản hòa giải ngày 22/8/2017, 15/9/2017 bị đơn anh Trần Thanh P trình bày: Về thời gian cưới, đăng ký kết hôn đúng như chị T trình bày. Anh ở nhà làm nghề buôn bán phế liệu, thu nhập kiếm được cũng lo cho gia đình và vợ con chứ hoàn toàn không có chi xài cá nhân. Tiền anh tạo ra anh cất ở nhà nhưng không có báo cho chị T biết nơi cất tiền vì công việc buôn bán nhiều khi cần vốn để xoay sở đột xuất nên anh tự cất và tự lấy tiền sẽ thuận tiện hơn còn việc chị T nêu anh ghen tuông vô cớ là không có. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh vào năm 2012 và ly thân cũng từ năm 2012 như chị T trình bày nhưng vợ chồng vẫn sống cùng nhà, cách nay khoảng hơn 05 tháng thì chị T về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Nay, anh nhận thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên không đồng ý ly hôn, yêu cầu Tòa án cho thêm thời gian để thuyết phục chị T quay về đoàn tụ. Hiện tại, anh vẫn chưa tìm ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Trần Phú H, sinh năm 1997 hiện đã thành niên và Trần Thị Phú H, sinh ngày 29/4/2006, hiện đang sống với chị T. Trong trường hợp Tòa án xử cho ly hôn thì anh đồng ý để cháu H cho chị T nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con

Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, anh P nêu: công việc của anh sáng đi chiều về, con trai lớn thì đi học xa tại thành phố Hồ Chí Minh, cháu H thì sống với chị T, những lúc đi làm về căn nhà cô quạnh và vắng vẻ làm anh cảm thấy rất buồn và cô đơn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh nuôi con chung tên Trần Thị Phú H, sinh ngày 29/4/2006, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Nếu được nuôi con anh sẽ cố gắng sắp xếp công việc để trực tiếp chăm lo cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung:

Về hôn nhân: chị T yêu cầu ly hôn, anh P không đồng ý nhưng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy chị T và anh P dù vẫn sống chung nhà nhưng đã ly thân từ năm 2012, từ đó đến nay không hàn gắn được cho thấy mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thuỷ.

Về nuôi con chung: chị T và anh P đều yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của cháu H muốn ở với chị T nên cần chấp nhận để chị Thuỷ tiếp tục nuôi con chung tên Trần Thị Phú H, sinh ngày 29/4/2006. Chị Thuỷ tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Vì lợi ích của con chung, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con đảm bảo theo quy định tại Điều 81 và được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung: không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh P là quan hệ tranh chấp ly hôn, căn cứ theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

[2]Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trần Thanh P cưới nhau vào năm 1994, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/5/2017 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ và gánh vác những vấn đề lớn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Anh P cho rằng giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng đến mức phải ly hôn nhưng cũng thừa nhận vợ chồng ly thân từ năm 2012 đến nay. Xét thấy, chị T và anh P ly thân đã lâu, từ năm 2012 đến trước khi chị T nộp đơn ly hôn tại Tòa án dù vợ chồng ly thân nhưng vẫn sống chung một nhà mà vẫn không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh P đã trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh P.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Trần Phú H, sinh năm 1997, hiện đã thành niên và Trần Thị Phú H, sinh ngày 29/4/2006, hiện đang sống với chị T. Xét thấy, cháu H từ nhỏ sống với chị T, do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đưa đón đi học, cuộc sống đã ổn định nên không cần thiết phải xáo trộn cuộc sống của cháu H. Mặt khác, cháu H có nguyện vọng được ở với chị T nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Anh P không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: chị T và anh P không yêu cầu giải quyết chia tài sản và nêu vợ chồng không có nợ chung nên không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ chung thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T về việc "tranh chấp ly hôn" đối với anh Trần Thanh P

Về hôn nhân: chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần Thanh P.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Trần Phú H, sinh năm 1997, hiện đã thành niên và Trần Thị Phú H, sinh ngày 29/4/2006. Chị Trần Thị T được quyền tiếp tục nuôi con chung Trần Thị Phú H, sinh ngày 29/4/2006, anh Trần Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số

0000220 ngày 01/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, chị T đã nộp đủ.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phương Trúc